

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 355/2020/HNGĐ-ST

Ngày 07-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Vũ Bằng
2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 697/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 337/2020/QĐXX-ST ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị G, sinh năm 1980 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Anh Mã Văn H, sinh năm 1975 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/9/2020, và tại phiên tòa chị Trịnh Thị G trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị Trịnh Thị G và anh Mã Văn H chung sống với nhau từ năm 2001, hôn nhân tự nguyện; nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống lúc đầu sống hạnh phúc. Thời gian về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm, anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, chị và anh H đã sống ly thân gần 04 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống chị và anh H có 03 người con tên Mã Văn D, sinh ngày 20/6/2002, Mã Văn L, sinh ngày 20/6/2005 và Mã Đoan T, sinh ngày 16/3/2014. Hiện nay các cháu đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con. Yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị G xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Tại đơn yêu cầu ngày 05/11/2020, chị G xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng. Do phía anh H vắng mặt.

Bị đơn anh Mã Văn H: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng anh Mã Văn H vẫn vắng mặt tại tòa; không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, chị G cương quyết ly hôn với anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn anh Mã Văn H có nơi cư trú tại ấp Kinh Hòn, xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Trịnh Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với anh Mã Văn H, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Chị G là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự chị G là nguyên đơn, anh H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chị G có mặt, anh H vắng mặt; căn cứ theo khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị G và anh Mã Văn H xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện. Tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị và anh không đăng ký kết hôn theo luật định. Chị G và anh H không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, chị và anh đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh đã sống ly thân hơn 04 năm nay.

Xét, mâu thuẫn giữa chị G và anh H là thực tế có xảy ra; đồng thời hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] Về con chung: Chị G và anh H có 03 người con tên Mã Văn D, sinh ngày 20/6/2002, Mã Văn L, sinh ngày 20/6/2005 và Mã Đoan T, sinh ngày 16/3/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu xem xét nguyện vọng của cháu Mã Văn L,

sinh ngày 20/6/2005. Đối với cháu Mã Văn D, sinh ngày 20/6/2002, đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Mã Đoan T, sinh ngày 16/3/2014 chị yêu cầu được trực tiếp nuôi.

Xét, con chung tên Mã Văn L, sinh ngày 20/6/2005 và Mã Đoan T, sinh ngày 16/3/2014. Hiện các cháu đang sống chung với chị, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao các cháu Mã Văn L, sinh ngày 20/6/2005 và Mã Đoan T, sinh ngày 16/3/2014 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng (Phù hợp với ước nguyện của cháu L tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/10/2020). Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về cấp dưỡng*: Chị G không đặt ra, anh H không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ*: Chị G xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị G phải chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Trịnh Thị G và anh Mã Văn H là vợ chồng.

-Về con chung: Tiếp tục giao các cháu Mã Văn L, sinh ngày 20/6/2005 và Mã Đoan T, sinh ngày 16/3/2014 cho chị Trịnh Thị G được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Chị Trịnh Thị G phải nộp số tiền 300.000 đồng; ngày 08/10/2020 chị G đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004097 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công